Phụ lục 31
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ THẠNH LỘC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 3, 4, 5, 6, 7, 11, 12, 13, 16, 17, 18, 31, 34, 35, 38, 39, 40, 41, 43, 64, 65 Phụ lục 31 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL31 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG VÀ CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI KHÁC**			
1	3	Đường kênh 6 phía bờ đông (từ kênh Cái Sắn - kênh Đòn Dông)	792	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh 6 phía bờ đông (từ kênh Cái Sắn - kênh Đòn Dong))
2	4	Đường kênh Đòn Dông		Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh Đòn Dong)
		- Từ bến đò kênh Vành Đai - Ngã ba Lộ Đòn Dông) hướng Nam	864	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ bến đò kênh Vành Đai - Ngã ba Lộ Đòn Dong) hướng Nam)
3	5	Đường kênh Đòn Dông (từ bến đò kênh Vành Đai - Kênh 5 ranh giáp Mong Thọ A)	792	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh Đòn Dong (từ bến đò kênh Vành Đai - Kênh 5 ranh giáp Mong Thọ A))

TT	Số TT PL31 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
4	6	Đường kênh Đòn Dông (từ kênh 6 - UBND xã - kênh 5 ranh giáp Mong Thọ A)	576	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh Đòn Dong (từ kênh 6 - UBND xã - kênh 5 ranh giáp Mong Thọ A))
5	7	Đường kênh 6 (từ kênh Đòn Dông - Giáp ranh phường Vĩnh Thông) phía ấp Thạnh Hưng (2 bên lộ)	576	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh 6 (từ kênh Đòn Dong - Giáp ranh phường Vĩnh Thông) phía ấp Thạnh Hưng (2 bên lộ))
6	11	Đường kênh 7 phía bờ Tây (kênh cái sắn - kênh Đòn Dông)	700	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh 7 phía bờ Tây (kênh cái sắn - kênh đòn dong))
7	12	Đường kênh 7 phía bờ Đông (kênh cái sắn - kênh Đòn Dông)	504	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh 7 phía bờ Đông (kênh cái sắn - kênh đòn dong))
8	13	Đường kênh 5 Ranh (Từ kênh Đòn Dông đến kênh Cái Sắn) (2 bên lộ)	504	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh 5 Ranh (Từ kênh Đòn Dong đến kênh Cái Sắn) (2 bên lộ))
9	16	Đường kênh 5 cùng (từ kênh Đòn Dông - giáp ranh phường Vĩnh Thông)	500	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh 5 cùng (từ kênh Đòn Dong - giáp ranh phường Vĩnh Thông))
10	17	Đường kênh Cây Sao (từ kênh Đòn Dông - giáp ranh phường Vĩnh Thông)	500	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh Cây Sao (từ kênh Đòn Dong - giáp ranh phường Vĩnh Thông))

TT	Số TT PL31 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
11	18	Đường ấp Thạnh Bình - Thạnh Hưng (Từ kênh Cây Sao - Ngã 3 Cựa Gà - giáp ranh phường Vĩnh Thông)	500	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường ấp Thạnh Bình (Từ kênh Cây Sao - Ngã 3 Cựa Gà - giáp ranh phường Vĩnh Thông))
12	31	Đường kênh 6 ở bờ Tây (từ kênh Cái Sắn đến kênh Đòn Dông)	500	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh 6 ở bờ Tây (từ kênh Cái Sắn đến kênh Đòn Dong))
13	34	Đường kênh Đòn Dông (từ kênh 5 Ranh giáp xã Thạnh Lộc cũ - Giáp ranh xã Thạnh Đông) hướng Nam	576	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh Đòn Dong (từ kênh 5 Ranh giáp xã Thạnh Lộc cũ - Giáp ranh xã Thạnh Đông) hướng Nam)
14	35	Đường kênh Đòn Dông (từ ranh giáp xã Thạnh Lộc cũ - Giáp ranh xã Tân Hội) hướng Bắc	504	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh Đòn Dong (từ ranh giáp xã Thạnh Lộc cũ - Giáp ranh xã Tân Hội) hướng Bắc)
15	38	Đường kênh 5A (từ đầu kênh Cái Sắn - Kênh Đòn Dông)(2 bên lộ)	576	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh 5A (từ đầu kênh Cái Sắn - Kênh Đòn Dong)(2 bên lộ))
16	39	Đường kênh Tư: Từ UBND xã đến kênh Đòn Dông (trừ trung tâm xã) (2 bên lộ)	720	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh Tư bờ Tây: Từ UBND xã đến kênh Đòn Dong (trừ trung tâm xã)(2 bên lộ))
17	40	Đường kênh Tư nối dài (từ kênh Đòn Dông - Kênh 6 ấp Thạnh An)	504	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh Tư nối dài (từ kênh Đòn Dong - Kênh 6))

TT	Số TT PL31 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
18	41	Đường Kênh 6 (ấp Thạnh An): Từ kênh Đòn Dông - giáp Vĩnh Thông (2 bên lộ)	420	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Kênh 6 (2 bên lộ))
19	43	Đường Kênh Ba Chùa Mới, Ba Chùa Cũ (Kênh Đòn Dông - Ngã tư Xếp Mậu - kênh Đòn Dông)	650	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Kênh Ba Chùa Mới, Ba Chùa Cũ (Kênh Đòn Dong - Ngã tư Xếp Mậu))
20		Kênh Tư Tây (từ kênh Cái Sắn-kênh Đường Trâu Lớn)	500	Tách đoạn (Tên cũ: Kênh Xáng Mới; Kênh Tư Tây (từ kênh Cái Sắn-kênh Đường Trâu Lớn))
21	64	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	432	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
22	65	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	360	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			
1		Chợ Số 1 Mong Thọ (trung tâm chợ qua mỗi bên 200 mét)	3.600	Bổ sung
2		Đường cặp kênh sau làng (từ kênh 17 - Kênh số 2)	504	Bổ sung

TT	Số TT PL31 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
3		Đường kênh Số 3 nhỏ (từ Quốc lộ 80 - Kênh Huyện Kiểng)	504	Bổ sung
4		Đường kênh Số 2 (từ Quốc lộ 80 - Kênh Huyện Kiểng)	504	Bổ sung
5		Đường kênh Số 19 (từ Quốc lộ 80 - Kênh Huyện Kiểng)	504	Bổ sung
6		Đường kênh Số 18 (từ Quốc lộ 80 - Kênh Huyện Kiểng)	504	Bổ sung
7		Đường kênh Số 17 (từ kênh sau làng - Kênh Huyện Kiểng)	504	Bổ sung
8		Đường KH1 (từ ranh Huyện Kiểng giáp ranh xã Thạnh Trị - Giáp ranh xã Mong Thọ B)	504	Bổ sung
9		Đường Kênh 1000 (bờ đông) điểm đầu kênh số 2 đến kênh số 3 nhỏ	450	Bổ sung
10		Đường Kênh 1000 (bờ đông) điểm đầu kênh số 2 đến kênh số 2 cũ	450	Bổ sung
11		Đường Kênh 8 Tập (Bờ Tây) điểm đầu kênh 18 - kênh 17)	450	Bổ sung
III	**HỦY BỎ**			

TT	Số TT PL31 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
1	66	Các tuyến đường còn lại	288	Huỷ bỏ

C. ĐẤT KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ CỬA KHẨU:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL31 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I		Khu công nghiệp Thạnh Lộc	660	Bổ sung